

BÀI HỌC VỀ ĐẢNG LÃNH ĐẠO TRANH THỦ THỜI CƠ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ VẬN DỤNG VÀO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HÔM NAY

NGUYỄN MẠNH HÀ*

Cách đây 75 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên tiến hành tổng khởi nghĩa và nhanh chóng giành được thắng lợi, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do nhiều yếu tố tạo thành, trong đó nghệ thuật lãnh đạo chớp thời cơ khởi nghĩa của Đảng đóng vai trò rất quan trọng.

Nhận diện chính xác thời cơ, kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và xây dựng thực lực về mọi mặt để đón thời cơ khởi nghĩa

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng ta và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đánh giá: Nếu Chiến tranh thế giới thứ nhất giữa các nước đế quốc đã tạo điều kiện cho sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên là Liên Xô, thì Chiến tranh thế giới thứ hai sẽ là điều kiện thuận lợi cho nhiều nước đang là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, đang bị áp bức, bóc lột đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do, hòa bình, đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là điều kiện tốt cho nhân dân Việt Nam làm cách mạng, vì thế, cần phải gấp rút chuyển hướng chiến lược đấu tranh, xây dựng lực lượng để đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền.

Chiến tranh thế giới thứ hai làm thay đổi căn bản tình hình thế giới. Chủ nghĩa phát-xít

từ chỗ chỉ là nguy cơ đã trở thành hiện thực, đe dọa trực tiếp đến cuộc sống của người dân và nền hòa bình, độc lập, dân chủ của các dân tộc. Tại nước Pháp, từ giữa năm 1939, chính phủ thiên hữu lên nắm quyền đã thực hiện chính sách siết chặt an ninh, đàn áp những người yêu nước, cách mạng tại các thuộc địa của Pháp. Ngày 26-9-1939, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản và các tổ chức dân chủ, tiến bộ tại nước Pháp và ở các thuộc địa. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương Ca-tơ-ru (Catroux) ra Nghị định cấm Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động. Báo chí tiến bộ bị đóng cửa. Các quyền tự do, dân chủ mà nhân dân ta giành được trong thời kỳ vận động dân chủ giai đoạn 1936 - 1939 bị thủ tiêu. Trong bối cảnh đó, Đảng rút vào hoạt động bí mật và tổ chức họp Hội nghị Trung ương 6 (tháng 11-1939) tại

* PGS, TS, Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bà Điểm, Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình quốc tế và trong nước, Hội nghị đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Hội nghị khẳng định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”⁽¹⁾; đồng thời, đề ra chủ trương: Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao. Tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào mục tiêu đó để giải quyết.

Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chuyển hướng về sách lược và phương pháp đấu tranh cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và tình thế mới đã cho thấy khả năng giải quyết được mâu thuẫn cơ bản của dân tộc Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến tay sai, đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân Việt Nam là độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, người dân tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Hội nghị Trung ương 6 của Đảng (tháng 11-1939) là một dấu mốc lịch sử, là bước chuẩn bị và tạo dựng thời cơ rất quan trọng của Đảng.

Trong năm 1940, một loạt sự kiện xảy ra, như phát-xít Đức tiến công và chiếm đóng nước Pháp (tháng 6-1940); phát-xít Nhật đổ bộ vào Việt Nam và Đông Dương (tháng 9-1940), thực dân Pháp từng bước thỏa hiệp và đầu hàng phát-xít Nhật, người dân Việt Nam chịu thêm một tầng áp bức, thống trị của phát-xít Nhật; khởi nghĩa vũ trang nổ ra ở huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (ngày 27-9) do Đảng bộ địa phương lãnh đạo; khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra (ngày 23-11) và bị đàn áp khốc

liệt, một số đồng chí lãnh đạo của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Kỳ bị địch bắt... Những sự kiện nêu trên đã củng cố thêm cơ sở đề Đảng ta đề ra chủ trương ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc tại Hội nghị Trung ương 7, diễn ra tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (tháng 11-1940).

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước. Tháng 5-1941, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng họp tại Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Tại Hội nghị, Đảng ta khẳng định nhiệm vụ trung tâm của cách mạng Việt Nam lúc này là giải phóng dân tộc; đối tượng chủ yếu của cách mạng là thực dân Pháp, phát-xít Nhật và phong kiến tay sai. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁽²⁾; đồng thời, xác định rõ đối tượng, nhiệm vụ, lực lượng tham gia và phương pháp tiến hành để chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Như vậy, chủ trương về chuẩn bị đón thời cơ cách mạng đã được Đảng ta xác lập từng bước qua 3 Hội nghị Trung ương và tiếp tục được bổ sung, hoàn chỉnh trong những năm tiếp theo.

Trong việc chuẩn bị thực lực về mọi mặt để đón thời cơ khởi nghĩa, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng chỉ đạo gấp rút thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

(1) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 536

(2) *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 7, tr. 113

Một là, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Đảng xác định đây là đội quân chủ lực của cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương 8, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) nhằm tập hợp và đoàn kết tất cả các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, đoàn thể, tôn giáo, dân tộc và cá nhân có tinh thần dân tộc, có lòng yêu nước, hướng vào mục tiêu chung là đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập. Mặt trận Việt Minh đã trở thành trung tâm quy tụ các tổ chức, đoàn thể yêu nước dưới một cái tên chung là “cứu quốc”, như Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc... Quần chúng nhân dân tham gia vào các hội cứu quốc đã tích cực hoạt động, mở rộng cơ sở, tổ chức, lực lượng, tiến hành mít-tinh, biểu tình, phá kho thóc của Nhật, giành chính quyền ở cơ sở trong khởi nghĩa từng phần, làm cho thanh thế của Mặt trận Việt Minh ngày càng lớn mạnh.

Hai là, xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là các đơn vị vũ trang tập trung. Đó là Đội Du kích Bắc Sơn (sau đổi tên thành Đội Cứu quốc quân I), ra đời trong cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (tháng 9-1940); tiếp theo là Quân Du kích Nam Kỳ, ra đời trong và sau khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940); Đội Cứu quốc quân II, ra đời tại xã Trảng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (tháng 9-1941); Đội Du kích vũ trang Cao Bằng ra đời tại tỉnh Cao Bằng (tháng 12-1941); Đội Cứu quốc quân III, ra đời tại xóm Khuồi Kịch, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (tháng 2-1944); Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, ra đời tại xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (tháng 12-1944); Đội Du kích Ba Tơ, ra đời trong cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi (tháng 3-1945); các đội

du kích tập trung của các chiến khu trong cả nước, được thành lập sau quyết nghị của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (tháng 4-1945); Việt Nam Giải phóng quân, ra đời trên cơ sở thống nhất các đơn vị Cứu quốc quân, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và một số đội vũ trang khác (tháng 5-1945)... Đây là lực lượng vũ trang tập trung quý báu của cách mạng, trở thành nòng cốt và chỗ dựa chủ yếu cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trong tổng khởi nghĩa và cũng là những đơn vị tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này.

Ba là, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Ngay sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra, Trung ương Đảng chủ trương duy trì và mở rộng Đội Du kích Bắc Sơn và khu căn cứ Bắc Sơn. Sau khi trở về nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định chọn tỉnh Cao Bằng làm vùng đất đứng chân, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã quyết định chọn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên làm địa bàn để mở rộng căn cứ địa Bắc Sơn, xây dựng Đội Cứu quốc quân II tại huyện Võ Nhai và kết nối hai địa bàn này thành khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai. Tiếp tục mở rộng căn cứ địa trên núi rừng Việt Bắc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chủ trương sử dụng các đội vũ trang tuyên truyền đi gây dựng cơ sở, mở một hành lang quần chúng từ tỉnh Cao Bằng “Nam tiến” xuống các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên để nối thông với căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai; đồng thời, gấp rút xây dựng cơ sở cách mạng, nơi đứng chân ở huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đầu tháng 5-1945, nhận thấy tình thế cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa đang xuất hiện, lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định chuyển địa bàn đứng chân từ tỉnh Cao Bằng về huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang để tiện chỉ đạo phong trào.

Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ do Trung ương Đảng triệu tập họp tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945 còn quyết định thành lập 7 chiến khu trong cả nước. Xung quanh thành phố Hà Nội, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ cũng xây dựng các khu an toàn làm nơi đứng chân hoạt động, được nhân dân che chở, bảo vệ. Ngày 4-6-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, bao gồm địa bàn 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang và một phần địa bàn các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên. Căn cứ địa cách mạng lúc này đã chiếm phần lớn diện tích núi rừng Việt Bắc.

Bốn là, chủ động liên hệ sự giúp đỡ từ bên ngoài, bắt liên lạc với quân Đồng minh. Đây là chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Chủ trương này do chính lãnh tụ Hồ Chí Minh trực tiếp thực hiện, nhằm, một mặt, tranh thủ sự giúp đỡ về vật chất, vũ khí, trang bị, huấn luyện của quân Đồng minh cho các lực lượng vũ trang còn nhỏ bé, thiếu thốn của cách mạng; mặt khác, tạo dựng thanh thế và tính chính danh cho Mặt trận Việt Minh và phong trào cách mạng Việt Nam trong cuộc chiến đấu của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống các thế lực phát-xít, đế quốc phản động. Đây là điểm đặc sắc trong quá trình tạo thế, tạo lực của Đảng để đón thời cơ khởi nghĩa một cách chủ động, sáng tạo.

Năm là, quan tâm cập nhật, phân tích sự biến chuyển của tình hình thế giới. Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến diễn biến ở giai đoạn cuối của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai cũng như tác động trực tiếp của tình hình quốc tế đến mâu thuẫn giữa thực dân Pháp và phát-xít Nhật ở Việt Nam, từ đó có những chủ trương, quyết định kịp thời, chính xác. Ngày 9-3-1945, phát-xít

Nhật đảo chính lật đổ bộ máy cai trị của thực dân Pháp trên toàn Đông Dương. Tuy nhiên, Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhận định thời cơ để tổng khởi nghĩa chưa chín muồi, cần tập trung xây dựng lực lượng, lập Mặt trận kháng Nhật cứu nước, chữa mũi nhọn đấu tranh và phối hợp với quân Đồng minh đánh phát-xít Nhật, phát động khởi nghĩa từng phần... Việc theo dõi sát tình hình, đánh giá đúng chỗ mạnh, yếu của kẻ thù, khả năng và những điểm còn hạn chế của phong trào cách mạng, dự báo chính xác chiều hướng phát triển của tình hình đã giúp Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh có thêm cơ sở để hạ quyết tâm hành động kịp thời khi thời cơ đến.

Lãnh đạo chớp thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa

Ngày 9-5-1945, phát-xít Đức phải ký văn bản đầu hàng các lực lượng Đồng minh. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu. Các nước lớn trong phe Đồng minh họp hội nghị ở Pô-đam (Đức) từ ngày 17-7 đến ngày 2-8-1945 để phân chia lực lượng giải giáp phát-xít Nhật.

Ngày 9-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với phát-xít Nhật trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương. Chỉ trong vòng một tuần lễ, Hồng quân Liên Xô đã đánh bại đạo quân Quan Đông chủ lực của phát-xít Nhật. Trước tình thế tuyệt vọng đó, Nhật Hoàng thỏa thuận đầu hàng các lực lượng Đồng minh. Những sự kiện dồn dập nêu trên được Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh theo dõi sát sao, từ đó nhận định: Thời cơ cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc đã tới, cần phải nhanh chóng hành động.

Ngay trong đêm 13-8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, do Tổng Bí thư Trường Chinh đứng đầu. Ủy ban đã ra Quân lệnh số 1 để chuẩn bị khởi nghĩa. Ngày 14 và ngày 15-8-1945, Hội

ng nghị toàn quốc của Đảng họp tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang để bàn, quyết định các công việc khởi nghĩa. Ngày 16-8, cũng tại xã Tân Trào, Đại hội quốc dân họp và thông qua Lệnh tổng khởi nghĩa; thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch; định Quốc kỳ, Quốc ca của nước Việt Nam mới...

Tình hình lúc này rất khẩn trương. Mặc dù ốm nặng, nhưng lãnh tụ Hồ Chí Minh vẫn luôn theo sát tình hình đang biến chuyển mau lẹ ở trong nước và trên thế giới. Người chỉ đạo: Bây giờ thời cơ thuận lợi đang tới, dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

Thời cơ để phát động tổng khởi nghĩa, mau chóng giành chính quyền được Đảng ta và lãnh tụ Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ ràng, đó là: Thực dân Pháp - kẻ thù chủ yếu của cách mạng - đã bị cuộc đảo chính của phát-xít Nhật loại bỏ; phát-xít Nhật đã bị đánh bại, phải đầu hàng các lực lượng Đồng minh, tinh thần chiến đấu của quân Nhật đang hoang mang tột độ; Chính phủ của Thủ tướng Trần Trọng Kim do phát-xít Nhật dựng lên sau cuộc đảo chính Pháp (tháng 3-1945), vốn đã yếu ớt, không có thực lực, nay lại càng tỏ ra bất lực; triều đình phong kiến nhà Nguyễn dưới triều vua Bảo Đại đã gần như mất hết ảnh hưởng trong xã hội, tỏ rõ sự lạc hậu với thời cuộc; khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân trên khắp cả nước dâng cao, toàn dân sẵn sàng đứng lên theo tiếng gọi và sự tổ chức, lãnh đạo của Đảng, của Mặt trận Việt Minh, để lật đổ sự áp bức, thống trị của thực dân, phát-xít, phong kiến, giành chính quyền. Chính vì thế, cuộc tổng khởi nghĩa đã diễn ra và mau chóng giành thắng lợi

trên hầu khắp cả nước chỉ trong vòng hai tuần lễ (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945). Ngay sau đó, Chính phủ lâm thời nhanh chóng tổ chức Lễ tuyên bố độc lập, ra mắt quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước khi quân Đồng minh đặt chân đến thành phố Hà Nội.

Có thể nói, trong lịch sử cách mạng Việt Nam thời kỳ hiện đại, chưa bao giờ Đảng và nhân dân ta lại có được điều kiện và thời cơ thuận lợi hội tụ trong một khoảng thời gian chừng nửa tháng như vậy (sau khi phát-xít Nhật chính thức đầu hàng và trước khi quân Đồng Minh có mặt tại thành phố Hà Nội). Vấn đề lúc này là chớp lấy thời cơ “có một không hai” đó để lãnh đạo nhân dân cả nước đứng lên giành chính quyền. Nếu không giành được chính quyền, không kịp tổ chức Lễ tuyên bố độc lập trước khi quân Đồng minh kéo vào, tình hình sẽ rất phức tạp và khó lường. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đón bắt, tận dụng được thời cơ vô cùng thuận lợi và hiếm hoi đó để lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh gọn, không đổ máu.

Có thể thấy, các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên thế giới, cụ thể là ở châu Á - Thái Bình Dương, khu vực Đông Nam Á đều có chung điều kiện khách quan thuận lợi và thời cơ rõ rệt để khởi nghĩa giành chính quyền là chủ nghĩa phát-xít bị đánh bại, nhưng hiếm có quốc gia nào chớp được thời cơ như Đảng và nhân dân ta. Có được thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là do chúng ta đã chuẩn bị kỹ công các điều kiện cần và đủ, trong một thời gian khá dài, với nhiều tổn thất, hy sinh. Sự chuẩn bị thực lực về mọi mặt là yếu tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi và đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo dựng, đón bắt và tận dụng thời cơ cách mạng.

Vận dụng bài học về thời cơ của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong bối cảnh hiện nay

Bảy mươi lăm năm đã trôi qua, nhưng bài học thành công về sự lãnh đạo của Đảng trong việc chớp thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 vẫn còn có giá trị thời sự trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Năm 1945, Đảng còn phải hoạt động bí mật và bị kẻ thù đàn áp khốc liệt, số lượng đảng viên của Đảng rất ít; đất nước còn rất khó khăn, chưa có nhiều mối quan hệ với quốc tế; trình độ dân trí rất thấp, với hơn 90% dân số chưa biết đọc, biết viết. Ngày nay, Đảng là tổ chức chính trị cầm quyền, lãnh đạo đất nước, với số lượng đảng viên lên tới hơn 5 triệu người. Vị thế của quốc gia, dân tộc ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế. Việt Nam có quan hệ ngoại giao, kinh tế, thương mại với hầu hết các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, hội nhập sâu rộng vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thế giới. Đời sống vật chất và tinh thần, trình độ tri thức của người dân ngày một nâng cao.

Ngày nay, xu thế toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, dân tộc, vừa tạo ra các cơ hội, thuận lợi, vừa làm xuất lộ những thách thức, khó khăn đòi hỏi mỗi quốc gia phải đương đầu khắc phục. Do đó, hơn lúc nào hết, để lãnh đạo đất nước, Đảng ta cần tiếp tục vận dụng sáng tạo, hiệu quả bài học thành công về nhận thức và tận dụng thời cơ trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vào thực tiễn công cuộc đổi mới hiện nay.

Theo đó, Đảng cần tập trung lãnh đạo xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực đông đảo, chất lượng cao, vừa có tri thức, năng lực, vừa có tình yêu đất nước, lòng tự hào dân tộc để có thể hợp tác nghiên cứu, sáng tạo và đón

nhận, tiếp thu kịp thời, đầy đủ các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến trên thế giới, áp dụng có hiệu quả vào xây dựng, phát triển đất nước.

Tiếp tục thực hiện chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong hoàn cảnh mới, chuẩn bị và bảo đảm tốt nhất các điều kiện bên trong nhằm tranh thủ, tận dụng tối đa các nguồn lực từ bên ngoài khi có thời cơ, để vừa phát triển kinh tế, vừa củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Bài học thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng minh rõ ràng, một khi nội lực được chuẩn bị đầy đủ, kỹ càng, thì đó chính là điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi khi thời cơ xuất hiện. Muốn vậy, Đảng cần có chủ trương, đường lối, sách lược phù hợp, vừa mang tầm chiến lược, vừa cụ thể, chi tiết để có thể tập hợp, phát huy được sức mạnh tổng hợp của dân tộc, nhằm khai thác các cơ hội, điều kiện thuận lợi, đồng thời nhận diện và hóa giải những khó khăn, thách thức, biến “nguy” thành “cơ”, biến thách thức thành cơ hội.

Đại dịch COVID-19 đã và đang hoành hành trên thế giới, trở thành mối nguy cơ mang tính toàn cầu, tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhân loại đang phải đối mặt với một thách thức chưa từng có, nhưng đây cũng là dịp để chúng ta nhận thức rõ hơn những “yếu huyệt” của mình, để tìm cách ứng phó, tồn tại và phát triển. Trong “nguy” có “cơ” là như vậy! Thời cơ không tự nhiên xuất hiện, cũng không phải là đặc ân dành riêng cho quốc gia, dân tộc, cá nhân nào. Thời cơ chỉ đến khi chúng ta biết nhận thức, tôn trọng, tạo dựng, đón bắt và tận dụng nó cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. □